

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản và hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bằng;
- Bà Trần Thị Ánh Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan Ch, sinh năm 1972, nơi cư trú: số 39 đường số 02, tổ 02, khóm M, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang; (vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 07, ấp T, xã C, thành phố K, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan Ch trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên bà D có nhờ bà chơi hụi dùm, chơi 05 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, thời điểm khai hụi từ ngày 05/11/2019 ã, đã hốt hụi sống 56 phần của 35 người chơi, tổng số tiền hốt hụi là 280.000.000 đồng, sau đó, có đóng hụi chết được

30.000.000 đồng thì ngưng. Ngày 28/5/2020, ông H, bà D có hỏi vay của bà số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 04 tháng, có lập hợp đồng vay tiền và có giao cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) K cấp ngày 26/9/2005 cho Lê Thị Thanh Tùng, Nguyễn Văn Anh Vũ cùng đứng tên chủ sử dụng. Ông H, bà D trả lãi được 03 tháng thì ngưng. Ngày 13/9/2020, bà D có hỏi vay thêm số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để đảo hạn Ngân hàng, thỏa thuận thời hạn trả là 03 ngày, thỏa thuận trả lãi là 1.200.000 đồng/ngày, trả lãi được 03 ngày thì ngưng; sau đó, bà có nhiều lần liên hệ bà D, ông H nhưng không được do ông H, bà D tránh mặt.

Bà Ch khởi kiện yêu cầu ông H, bà D liên đới trả số tiền vay 300.000.000 đồng và lãi suất phát sinh; yêu cầu bà D trả số tiền vay 250.000.000 đồng, số tiền hụi 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Ngày 20/5/2022, ngày 24/5/2022 và lời khai tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 08/7/2022 bà Ch xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bà D trả số tiền vay còn nợ 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; rút một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm liên đới của ông H đối với số tiền vay 300.000.000 đồng, rút yêu cầu khởi kiện bà D số tiền vay 250.000.000 đồng và số tiền hụi 250.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: hợp đồng cho vay tiền ngày 28/5/2020 có chữ ký, chữ viết đề họ tên ĐẠI DIỆN BÊN B (người vay) Bùi Thị Mỹ D (bản chính).

Bà Bùi Thị Mỹ D, ông Huỳnh Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng, bị đơn không tham gia suốt quá trình tố tụng nên xem như tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Ch cho ông H, bà D vay nhiều lần, với tổng số tiền 550.000.000 đồng (gồm 02 khoản vay: 300.000.000 đồng và 250.000.000

đồng), có lần bà D viết Biên nhận nợ, có lần không; đồng thời bà Ch có đóng thay bà D tiền hụi, với số tiền 250.000.000 đồng. Do đó, bà Ch khởi kiện yêu cầu ông H, bà D liên đới trả số tiền vay 300.000.000 đồng; yêu cầu bà D có trách nhiệm trả số tiền vay 250.000.000 đồng, số tiền hụi 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh các khoản nợ.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, bà Ch cung cấp tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/5/2020, đã được Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận thể hiện đúng chữ ký và chữ viết của đại diện bên vay nợ là bà D. Từ đó, có đủ cơ sở xác định bà D có vay của bà Ch 300.000.000 đồng. Xét, việc vay nợ giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ. Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc bà Ch khởi kiện yêu cầu trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm liên đới của ông H đối với số tiền vay 300.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi; rút lại việc yêu cầu bà D trả số tiền vay 250.000.000 đồng và số tiền hụi 250.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch là sự tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đề nghị đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D trả cho bà Ch vốn vay 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Lan Ch khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ D, ông Huỳnh Thanh H trả nợ vay. Bà D, ông H đang cư trú trên địa bàn thành phố K nên yêu cầu khởi kiện của bà Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định ông Nguyễn Văn Anh Vũ, bà Lê Thị Thanh Tùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) K cấp ngày 26/9/2005 cho Lê Thị Thanh Tùng, Nguyễn Văn Anh Vũ cùng đứng tên chủ sử dụng thì ông Vũ, bà Tùng đã cấp đổi giấy mới và đang thế chấp tại Quỹ Tín dụng nhân dân K; quá trình giải quyết vụ án, bà Ch xác định bà Tùng, ông Vũ không liên quan đến việc bà cho bà D vay tiền, bà Ch không có yêu cầu gì đối với bà Tùng, ông Vũ. Do đó, Tòa án đã ban hành thông báo về việc bà Tùng, ông Vũ không còn tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, ông H, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; nguyên đơn bà Ch vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ch, ông H và bà D.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm liên đới của ông H đối với số tiền vay 300.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi; rút lại việc yêu cầu bà D trả số tiền vay 250.000.000 đồng và số tiền lãi 250.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch là tự nguyện; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch đối với yêu cầu bà Ch đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[5] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ch trình bày, vào ngày 28/5/2020, bà D có vay của bà Ch số tiền 300.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 04 tháng, kể từ ngày vay 28/5/2020 đến ngày 28/9/2020. Hai bên có lập Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/5/2020 thể hiện việc vay. Khi cần tiền để sử dụng, bà Ch yêu cầu bà D trả nợ nhiều lần nhưng bà D không thực hiện.

Lời khai của bà Ch phù hợp với nội dung Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/5/2020 có chữ ký, chữ viết đề họ tên bên vay Bùi Thị Mỹ D.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Ch yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên bà D tại Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/5/2020. Tại Kết luận giám định số 30/KL-KTHS(TL-GT) ngày 30/3/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: “Chữ ký và chữ viết họ tên Bùi Thị Mỹ D dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên Hợp đồng cho vay tiền, ngày 28/5/2020 so với chữ ký và chữ viết mang tên Bùi Thị Mỹ D trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra”.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành nhiều thông báo triệu tập bà D, ông H đến làm việc đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Ch nhưng bà D, ông H không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định, bà D vay của bà Ch số tiền 300.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay và chưa thanh toán nợ.

[6] Việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bà Ch khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ vốn 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc bà D trả cho bà Ch nợ vốn 300.000.000 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Ch đã nộp chi phí trưng cầu giám định với số tiền 3.000.000 đồng (theo Phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định ngày 24/4/2022). Yêu cầu khởi kiện của bà Ch được chấp nhận nên bà D phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Buộc bà D hoàn trả chi phí giám định với số tiền 3.000.000 đồng mà bà Ch đã nộp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà Ch là 15.000.000 đồng.

Bà Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Ch số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng mà bà Ch đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 161, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan Ch về trách nhiệm liên đới của ông H đối với số tiền vay 300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi; yêu cầu bà D trả số tiền vay 250.000.000 đồng và số tiền hui 250.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan Ch.

Buộc bà Bùi Thị Mỹ D trả cho bà Nguyễn Thị Lan Ch số nợ vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Bùi Thị Mỹ D hoàn trả chi phí trưng cầu giám định với số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị Lan Ch.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Mỹ D phải chịu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Lan Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lan Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.000.000 (mười tám triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0001774 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ch cục Thi hành án dân sự thành phố K.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Lan Ch, bà Bùi Thị Mỹ D, ông Huỳnh Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Ch cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung